UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2014/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 28 tháng 11 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 442/TTr-BDT ngày 24 tháng 10 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều, tại Chương II, Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ

phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2012 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điểm d, Khoản 1, Điều 6 như sau:

"d) Nội dung chi và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 100% giá mua giống cây trồng, vật nuôi, phân bón vô cơ, thuốc phòng trừ dịch bệnh cho xây dựng mô hình, nhân rộng mô hình.

Đối với mô hình trồng trọt, là 5.000 m^2, số hộ tham gia không quá 20 hộ; định mức cho một mô hình theo quy định tại Quyết định số 3073/QĐ-BNN ngày 28 tháng 10 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Đối với mô hình chăn nuôi (chỉ áp dụng đối với gia cầm, tiểu gia súc, thời gian thực hiện tối đa không quá 6 tháng), định mức tối đa không quá 140 triệu đồng/mô hình, số hộ tham gia 20 hộ/mô hình (gồm 16 hộ nghèo, cận nghèo và 04 hộ không nghèo).

- Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình (trồng trọt, chăn nuôi) tính bằng mức tiền lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thuê thực tế (thời gian thuê thực tế tối đa không quá 10 ngày/tháng).

- Dự án hỗ trợ 100% chi phí mua bản quyền quy trình công nghệ mới; biên soạn tài liệu; thuê phòng học; tài liệu, vật tư phục vụ học tập; thù lao giảng viên, hướng dẫn viên thực hành kỹ thuật; nước uống, tiền ăn, tiền đi lại, tiền ngủ (nếu phải nghỉ qua đêm) cho học viên trong thời gian tập huấn.

- Hỗ trợ 100% các chi phí cho hoạt động tham quan, học tập mô hình sản xuất tiên tiến."

2. Bổ sung Điểm d vào Khoản 2, Điều 6 như sau:

"d) Hỗ trợ trực tiếp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2014 - 2015

- Hỗ trợ hộ nghèo 7.000.000 đồng, hộ cận nghèo 5.600.000 đồng. Trong đó, hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, bảo quản và chế biến nông lâm sản 2 triệu đồng; cải tạo ao nuôi thuỷ sản 1,5 triệu đồng (ao phải có có diện tích mặt nước từ 100m^2 trở lên).

- Giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh sẽ có văn bản hướng dẫn sau."

3. Bãi bỏ Khoản 3, Điều 6.

4. Sửa đổi, bổ sung ý thứ 3, Điều 13 như sau:

"Người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư có thể ủy quyền cho Ban Quản lý dự án thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư, trừ các nội dung sau: Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế công trình, phê duyệt thiết kế công trình làm cơ sở đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, phê duyệt kết quả đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, nghiệm thu hoặc phê duyệt kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng. Nhiệm vụ của chủ đầu tư và Ban Quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng."

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 23 như sau:

"Hằng năm huyện chỉ đạo các xã dành ít nhất 30% tổng vốn đầu tư phát triển của huyện tại các xã, thuộc các công trình có kỹ thuật đơn giản để giao cho cộng đồng, nhóm thợ trong xã thực hiện."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh